TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-11-2018
V/v: Không công nhận
quan hệ vợ chồng và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Cao Thị Hồng Châu;

2/ Ông Y Ben ÊBan;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 240/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Sạch Thị B, sinh năm 1983. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1982 (vắng mặt có đơn).

Cùng địa chỉ: Buôn D, xã EaH, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình trình tố tụng nguyên đơn chị Sạch Thị B trình bày:

Chị B và anh Phạm Xuân H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau thời gian ngắn sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H có biểu hiện không chung thủy, thường hay đi qua đêm không về nhà. Chị nói chuyện thì kiếm cớ gây sự, đánh đập. Chị đã cố gắng

trong thời gian dài nhưng anh H không thay đổi. Đặc biệt trong tháng 8/2018 anh H đã có lần dùng gây gỗ đánh đập chị, chị phải đi điều trị tại bệnh viện. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị với anh H là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị với anh H có 02 con chung là: Nguyễn Chí Q, sinh ngày 09/01/2000; Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 18/01/2002. Hiện cháu Q đã thành niên, đang học nghề tại Đà Nẵng, cháu A hiện đang đi học lớp 11, trường phổ thông trung học C, trước đây chị có nguyện vọng được nuôi con chung nhưng nay chị đồng ý giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/10/2018 và quá trình tố tụng bị đơn trình bày:

Anh thống nhất với các ý kiến của chị B về việc vợ chồng tự nguyện chung sống nhưng không đăng ký kết hôn, về các con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn từ đầu năm 2018 đến nay, Nguyên nhân do vợ ghen tuông, anh cũng có lỗi với vợ, mong vợ bỏ qua để đoàn tụ gia đình, nuôi dạy con cái. Nhưng nếu chị B cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu chị B cấp dưỡng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án:

- Đối với Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Đối với HĐXX: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Đối với đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án**:** Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là "Không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện CưM'gar đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho bị đơn là anh Nguyễn Xuân H. Anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung khi giải quyết vụ án và nội dung tranh chấp:

Đối với việc áp dụng luật nội dung khi giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; căn cứ Điều khoản chuyển tiếp được quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

Về nội dung tranh chấp: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Sạch Thị B và anh Nguyễn Xuân H tạo lập trên cơ sở hai bên tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị B yêu cầu Tòa án giải qyết không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp với 1 Điều 11, Điều 87 luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Xét nguyện vọng, yêu cầu được nuôi con chung của anh H là phù hợp phù hợp với nguyện vọng của cháu A, phù hợp quy định tại các Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

Về tài sản: Anh H, chị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Chị B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng 1 Điều 11, Điều 87; Điều 92, Điều 93; Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Sạch Thị B, anh Nguyễn Xuân H không phải là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 18/01/2002 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Sạch Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Sạch Thị B phải chịu 300.000đồng tiền án phí Ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị B đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0006767 ngày 17/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM’gar.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND huyện Cư M’gar;
-Chi cục THADS huyện Cư M’gar;
-UBND xã EaH;
-Đương sự;
-Lưu HS.

(Đã ký)

Lê Thị Hiền